

Bản án số: 82/2019/DS-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **HỒ MINH H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 0, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **LÊ TẤN L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp 0, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (văn bản uỷ quyền đề ngày 29/8/2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **TRẦN THỊ M**, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **VÕ MINH T**, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 08/10/2018 và lời khai tại Toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn anh Lê Tấn L trình bày:

Nguyên ông T là chủ thảo hụi, chị H và bà M là hụi viên. Vào năm 2016 ông T bề hụi không có khả năng trả tiền góp hụi sống cho chị H số tiền 600.000.000đ trong khi đó bà M nợ tiền hụi chết của ông T số tiền 595.000.000đ. Vì vậy, ông T, bà M và chị H thống nhất chuyển nợ cụ thể bà M có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 595.000.000đ (Chênh lệch 5.000.000đ chị H thống nhất bớt cho ông T) như vậy bà M không còn nợ ông T và ông T cũng không còn thiếu tiền hụi sống của chị H. Trên sự thỏa thuận đó, vào ngày 16/5/2016 bà M đã lập biên nhận nợ chị H số tiền 595.000.000đ để chị H làm tin, bà M xin trả dần nhưng từ khi viết giấy nợ tới nay bà

vẫn kéo dài không trả. Nay chị H yêu cầu bà M phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền 595.000.000đ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo tờ tự khai (Không ghi ngày tháng năm) và lời khai tại Tòa, bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của anh L là đại diện ủy quyền của chị H, thống nhất có sự thỏa thuận giữa bà, ông T và chị H cũng như bà có viết biên nhận nợ chị H số tiền 595.000.000đ vào ngày 16/5/2016 như trên. Nay bà cũng đồng ý trả số tiền 595.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ đến hết nợ.

Theo tờ tự khai đề ngày 19/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T trình bày:

Nguyên ông là người tổ chức chơi hội, làm đầu thảo góp hội hưởng hoa hồng, chị H và bà M là hội viên. Năm 2016, ông bị bể hội điều kiện kinh tế khó khăn nên còn thiếu tiền góp hội sống của chị H là 600.000.000đ, trong khi đó bà M nợ tiền góp hội chết của ông số tiền 595.000.000đ. Từ đó, ông, bà M và chị H thỏa thuận miệng thống nhất chuyển nợ bằng cách bà M chịu trách nhiệm trả cho chị H số tiền 595.000.000đ (Chênh lệch 5.000.000đ chị H thống nhất bớt cho ông) như vậy bà M không còn nợ ông và ông cũng không còn nợ chị H. Vào ngày 16/5/2016, bà M có lập biên nhận nợ chị H số tiền 595.000.000đ. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì và ông đã có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Võ Minh T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung:

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự tại Tòa thì các đương sự đều trình bày thống nhất là có việc chuyển nợ như trên và bà M cũng thừa nhận hiện tại còn thiếu chị H số tiền 595.000.000đ theo biên nhận nợ mà bà đã viết vào ngày 16/5/2016 cho chị H làm tin. Như vậy, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ theo biên nhận ngày 16/5/2016, bị đơn bà M đã thừa nhận và khẳng định bản thân bà đã tự tay viết, ký tên vào, nội dung thể hiện còn thiếu nguyên đơn chị H số tiền 595.000.000đ. Đồng thời, bị đơn cho rằng trong nội dung biên nhận có cụm từ “tiền này trả dần” nên tại Tòa xin trả mỗi tháng 1.000.000đ đến hết số nợ 595.000.000đ là chưa thuyết phục vì kể từ ngày viết giấy bà M không thể hiện thiện chí, không thực hiện đúng lời hứa làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, không trả cho nguyên đơn được số tiền nào mà kéo dài mãi cho đến nay là gây thiệt thòi, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Minh H là có cơ sở để chấp nhận và Tòa án có đủ căn cứ buộc bị đơn bà Trần Thị M phải trả cho chị số tiền 595.000.000đ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Minh H.

Buộc bà Trần Thị M phải có trách nhiệm trả cho chị Hồ Minh H số tiền 595.000.000đ.

Kể từ ngày chị Hồ Minh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị M chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu 27.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Hồ Minh H số tiền 13.900.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 10033 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

